TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2025/QĐST-DS	*Nghệ An, ngày 27 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 67/2025/TLST – DS ngày 28 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiền về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn C, xã Q (xã Q cũ), tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T , sinh năm 1973.

Chị Trần Thị V, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn M, xã Q (xã Q cũ), tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quang T: Chị Trần Thị V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn M, xã Q (xã Q cũ), tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Quang T và chị Trần Thị V thống nhất thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay cho bà Trần Thị H số tiền nợ gốc 740.000.000đ (bảy trăm bốn mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền đề ngày 04/10/2024, giấy vay đề ngày 06/10/2024 và giấy vay đề ngày 10/11/2024. Về lãi suất, bà H không yêu cầu anh T, chị V phải trả.

Về án phí: Anh Nguyễn Quang T và chị Trần Thị V phải nộp án phí dân sự là 16.800.000đ (mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Kỷ phần mỗi người là 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm nghìn đồng)

Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Điều 146, khoản 4 điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không thuộc trường hợp hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKS khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THA Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thúy